

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Sikaflex® Construction

CHẤT TRÁM KHE 1 THÀNH PHẦN GỐC POLYURETHANE

MÔ TẢ

Sikaflex® Construction là chất trám khe đàn hồi, một thành phần, gốc polyurethane, đông cứng trong môi trường ẩm. Sản phẩm này thích hợp cho việc trám trét khe co giãn ngoài trời.

ỨNG DỤNG

Sikaflex® Construction được dùng để trám trét các khe nối và khe co giãn trên bề mặt xốp cũng như là các ứng dụng trám trét trong và ngoài trời cho công trình xây dựng nói chung.

ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Không chảy vữa
- Một thành phần, dễ dàng sử dụng
- Chịu được ảnh hưởng của thời tiết, kháng lão hóa rất tốt
- Khả năng co giãn đến 25%
- Bám dính rất tốt với nhiều loại bề mặt
- Kháng lực xé rất tốt, sử dụng được ngay
- Có thể sơn phủ được, không bọt khí

SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

Theo tiêu chuẩn ISO 11600 (Loại F, tiêu chuẩn 25HM/20LM)

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Gốc hoá học	PUR 1 thành phần, khô cứng khi tiếp xúc với môi trường ẩm
Đóng gói	600 ml/xúc xích, 20 xúc xích/thùng.
Màu sắc	Trắng, xám bê tông, đen, be
Hạn sử dụng	12 tháng kể từ ngày sản xuất
Điều kiện lưu trữ	Sản phẩm phải được bảo quản theo đúng tiêu chuẩn, trong điều kiện còn nguyên, chưa mở và không hư hỏng, được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát với nhiệt độ từ +5°C tới +25°C
Tỷ trọng	~ 1.30 kg/l (màu xám bê tông)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Độ cứng Shore A	~ 35 (sau 28 ngày)	(DIN 53505)
Cường độ kéo	1.2 N/mm ²	
Modul đàn hồi khi căng	~ 0.6 N/mm ² ở trạng thái giãn 100% (+23°C / 50% r.h.)	(DIN EN ISO 8340)
Độ giãn dài tới đứt	800 % (+23°C / 50% r.h.)	(DIN 53504)
Phục hồi sự đàn hồi	> 85% (+23°C / 50% r.h.)	(DIN EN ISO 7389 B)
Khả năng kháng mở rộng vết rách	7 N/mm (+23°C / 50% r.h.)	(DIN 53515 / ISO 34)

Khả năng chuyển vị	25%																																										
Nhiệt độ làm việc	-40 °C đến +70 °C																																										
Khe thiết kế	Chiều rộng khe: Phải được thiết kế phù hợp với khả năng co giãn của chất trám. Bảng tiêu chuẩn DIN 18540 cho khe co giãn của bê tông: <table><tr><th>Khoảng cách khe (m)</th><th>Chiều rộng khe (mm)</th><th>Chiều rộng tối thiểu khe (mm)</th><th>Chiều sâu khe (mm)</th></tr><tr><td>2</td><td>15</td><td>10</td><td>8</td></tr><tr><td>2 - 3.5</td><td>20</td><td>15</td><td>10</td></tr><tr><td>3.5 - 5</td><td>25</td><td>20</td><td>12</td></tr><tr><td>5 - 6.5</td><td>30</td><td>25</td><td>15</td></tr><tr><td>6.5 - 8</td><td>35</td><td>30</td><td>15</td></tr></table> Chiều rộng tối thiểu cho khung bao cửa: 10 mm Tất cả các khe co giãn phải được thiết kế tính toán phù hợp và đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn liên quan, bởi vì những thay đổi không phải lúc nào cũng có thể sửa chữa được sau khi vật liệu đã đông cứng. Việc tính toán kích thước khe là cần thiết vì nó liên quan đến lượng tiêu thụ vật liệu. Định mức tương đối <table><tr><th>Chiều rộng khe (m)</th><th>Chiều sâu khe (mm)</th><th>Chiều dài khe (m) / 600 ml</th></tr><tr><td>2</td><td>15</td><td>10</td></tr><tr><td>2 - 3.5</td><td>20</td><td>10</td></tr><tr><td>3.5 - 5</td><td>25</td><td>10</td></tr><tr><td>5 - 6.5</td><td>30</td><td>15</td></tr><tr><td>6.5 - 8</td><td>35</td><td>17</td></tr></table> Chất chèn khe: Sử dụng chất chèn khe backing rods có cấu trúc dạng đóng	Khoảng cách khe (m)	Chiều rộng khe (mm)	Chiều rộng tối thiểu khe (mm)	Chiều sâu khe (mm)	2	15	10	8	2 - 3.5	20	15	10	3.5 - 5	25	20	12	5 - 6.5	30	25	15	6.5 - 8	35	30	15	Chiều rộng khe (m)	Chiều sâu khe (mm)	Chiều dài khe (m) / 600 ml	2	15	10	2 - 3.5	20	10	3.5 - 5	25	10	5 - 6.5	30	15	6.5 - 8	35	17
Khoảng cách khe (m)	Chiều rộng khe (mm)	Chiều rộng tối thiểu khe (mm)	Chiều sâu khe (mm)																																								
2	15	10	8																																								
2 - 3.5	20	15	10																																								
3.5 - 5	25	20	12																																								
5 - 6.5	30	25	15																																								
6.5 - 8	35	30	15																																								
Chiều rộng khe (m)	Chiều sâu khe (mm)	Chiều dài khe (m) / 600 ml																																									
2	15	10																																									
2 - 3.5	20	10																																									
3.5 - 5	25	10																																									
5 - 6.5	30	15																																									
6.5 - 8	35	17																																									

THÔNG TIN THI CÔNG

Sự chảy vồng	0 mm (rất tốt)	(DIN EN ISO 7390)
Nhiệt độ môi trường	+5 °C tới +40 °C	
Nhiệt độ bề mặt	+5 °C tới +40 °C	
Độ ẩm bề mặt	Khô ráo	
Tốc độ đóng rắn	~ 3 mm trong 24 giờ (+23°C / 50% r.h.)	
Thời gian khô bề mặt	~ 60 phút (+23°C / 50% r.h.)	

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Bề mặt phải được làm sạch, khô, đồng nhất và không chứa các chất bẩn chẳng hạn như bụi, dầu, mỡ, vữa xi măng, chất keo cũ và lớp sơn phủ có độ bám dính kém có thể ảnh hưởng đến độ bám dính của keo cần được loại bỏ.

Bề mặt nhẵn: Kim loại, lớp phủ... phải được làm sạch và dùng vải nhúng Sika® Aktivator-205 để lau sạch. Để khô ít nhất 15 phút, dùng cọ quét lớp Sika® Primer-3N lên bề mặt khe. Chờ khoảng 30 phút. Đối với nhựa PVC thì dùng Sika® Primer-215, thời gian chờ khoảng 30 phút.

Bề mặt rỗ: Như bê tông, vữa tô, vữa, gạch... cần phải quét lót bằng Sika® Primer-3N và chờ khô khoảng 30 phút (lâu nhất là 8 giờ).

Chú ý quan trọng: Lớp lót là chất làm tăng khả năng bám dính của keo lên bề mặt chất nền. Chúng không phải là chất thay thế cho việc làm sạch bề mặt hay cải thiện đáng kể cường độ của bề mặt chất nền.

BIỆN PHÁP THI CÔNG / DỤNG CỤ

Sau khi việc chuẩn bị bề mặt khe đã hoàn thành, chèn backing rods theo yêu cầu kỹ thuật của khe, quét Primer nếu cần thiết. Đặt tiếp Sikaflex® Construction vào súng bắn keo chuyên dụng và bắt đầu bơm keo vào khe sao cho keo tiếp xúc hoàn toàn với hai bên thành khe để đảm bảo độ bám dính tốt, làm đầy khe và tránh cuộn khí trong quá trình thi công. Nên dùng băng keo giấy dán hai bên thành khe trước khi thi công Sikaflex® Construction để không bị lem bắn và tháo bỏ lớp băng keo này sau khi thi công xong (khi keo vẫn còn ướt). Để bề mặt keo mịn sử dụng sản phẩm Sika® Tooling Agent N. Không sử dụng sản phẩm có chứa dung môi.

VỆ SINH DỤNG CỤ

Làm sạch tất cả dụng cụ thi công ngay lập tức sau khi sử dụng bằng Sika® Remover-208 / Sika® TopClean T. Một khi keo đã đông cứng chỉ có thể làm sạch bằng cơ học.

CHÚ Ý QUAN TRỌNG

Nếu loại sơn thích hợp thì có thể sơn lên chất trám dọc theo khe đến tối đa 1 mm. Loại sơn phải được kiểm tra phù hợp với tiêu chuẩn DIN 52452-2. Màu sắc có thể thay đổi do tiếp xúc với hóa chất, nhiệt độ cao hay tia UV (đặc biệt với màu trắng). Tuy vậy điều đó không ảnh hưởng đến tính chất kỹ thuật hay độ bền của sản phẩm. Trước khi thi công lên đá tự nhiên, nên tham khảo ý kiến của bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của Sika. Không được dùng sản phẩm cho bề mặt kính để trám, trên bề mặt bitum, cao su tự nhiên, cao su EPDM, những nơi có dầu rò rỉ, chất dẻo hay dung môi có khả năng hòa tan chất trám. Không được dùng sản phẩm để trám cho bể bơi. Không được dùng cho những nơi có áp lực nước cao hoặc những nơi ngập lâu trong nước. Sử dụng tốt ở những nơi thông thoáng. Khi chất trám mới thi công có mùi thơm dễ chịu cho đến khi đóng rắn hoàn toàn. Không được trộn hay để keo tiếp xúc trên bề mặt có thể phản ứng với Isocyanate, chất tẩy rửa có dung môi và hợp chất tháo dỡ khuôn hoặc các dung môi cả khả năng làm ảnh hưởng đến quá trình đông cứng của sản phẩm.

Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam
Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
Tel: (84-251) 3560 700
Fax: (84-251) 3560 699
sikavietnam@vn.sika.com
vnm.sika.com



Bản chi tiết sản phẩm
Sikaflex® Construction
Tháng Tư 2019, Hiệu đính lần 01.01
020511010000000019

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Để biết thông tin và được tư vấn về an toàn sử dụng, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm thuộc nhóm hóa chất, người sử dụng nên tham khảo Tài Liệu An Toàn Sản Phẩm mới nhất về lý tính, sinh thái, tính độc hại và tài liệu an toàn liên quan khác.

LƯU Ý PHÁP LÝ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.

SikaflexConstruction-vi-VN-(04-2019)-1-1.pdf



BUILDING TRUST